

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG LĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 22/2018/HS-ST

Ngày: 19/9/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG LĨNH - TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, ông: **Phạm Đức Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hải Dương

2. Bà Nguyễn Thị Xoan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa, bà: Lê Thị Đức Vinh - Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh tham gia phiên tòa,
ông: Bùi Trường Lâm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã
Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa hình sự công khai để xét xử sơ thẩm
vụ án hình sự thụ lý số 20/2018/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2018, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2018/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 9
năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Văn P**; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/11/1977,
tại xã T, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn
C, xã T, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ văn hoá: 08/10; Nghề nghiệp: Lao
động phổ thông; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con
ông: Đinh Xuân T, sinh năm 1943 và bà Trần Thị H, sinh năm 1945; anh chị
em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ tư; vợ: Trần Thị S (đã chết); con có 03
người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự:
Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/6/2018, đến ngày 12/6/2018 chuyển
tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay. Có mặt tại
phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn P:** Ông Trần Thanh M, sinh
năm 1985. Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Tĩnh.
Địa chỉ: Số 103A Phan Đình G, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên
Tòa.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Văn P1; sinh ngày 15/12/1976; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

2. Anh Bùi Kim T; sinh ngày 30/5/1988; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ dân phố 8, phường N, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

3. Chị Trần Thị Cẩm T; sinh ngày 18/8/1985; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ dân phố 10, phường B, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

4. Ông Lê Hữu H; sinh ngày 30/6/1962; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

5. Anh Nguyễn Văn O; sinh ngày: 06/5/1992; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ dân phố 6, phường N, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

Bà Trần Thị N; sinh ngày 19/8/1969; trú tại: Thôn C, xã T, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 09/6/2018, Nguyễn Văn P1, sinh năm 1976, trú tại thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh đi làm từ xã Đức Thịnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh về nhà thì thấy Bùi Kim T, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố 8, phường N, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh đang ngồi chơi tại sân nhà. Lúc này, Bùi Kim T nói với Nguyễn Văn P1: “Gọi cho thằng nớ coi có không, tau có ba trăm đây” (ý T nói với P1 gọi điện thoại cho Đinh Văn P hỏi xem có ma túy loại hồng phiến bán không để mua cùng sử dụng). Nguyễn Văn P1 hiểu ý của Bùi Kim T nên gọi điện thoại cho Đinh Văn P hỏi: “Có hàng không?” (ý hỏi P có ma túy bán không?), P trả lời: “Có”, P1 nói: “Bán cho ba viên”, P trả lời: “Nếu có năm trăm thì mới bán cho ba viên”, P1 nói: “có ba trăm hai mươi nghìn”, P trả lời “Thế thì được hai viên”, rồi tắt máy. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, Bùi Kim T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38H7 - 0340 chở Nguyễn Văn P1 đến nhà Đinh Văn P để mua ma túy cùng sử dụng, trên đường đi T đưa cho P1 300.000 đồng để góp tiền mua ma túy. Khi đến nơi, Bùi Kim T dựng xe ở sân rồi cùng với Nguyễn Văn P1 đi vào trong nhà gặp và đưa cho Đinh Văn P số tiền 320.000 đồng. Đinh Văn P cất tiền vào túi áo sơ mi đang mặc trên người, đồng thời lấy ra 02 viên ma túy loại hồng phiến từ trong gói ni lông để trong túi quần đang mặc trên người đưa cho Nguyễn Văn P1. Sau khi mua ma túy xong, Nguyễn Văn P1 và Bùi Kim T xin sử dụng ma túy ngay tại nhà của Đinh Văn P, nghe P1 và T nói vậy P đồng ý và nói lại: “Xuống nhà tắm đi, để tau lấy ống”, rồi Đinh Văn P lấy bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng chất ma túy tổng hợp có sẵn trong nhà đưa vào gian phòng tắm. Nguyễn Văn P1 và Bùi Kim T đi theo vào ngồi ở gian phòng tắm để sử

dụng 02 viên ma túy tổng hợp loại hồng phiến vừa mua với Đinh Văn P. Trong lúc cả ba đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị tổ công tác Công an thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh phát hiện bắt quả tang. Tại đây, P1 và T thừa nhận hành vi mua 02 viên ma túy tổng hợp loại hồng phiến của Đinh Văn P và đã sử dụng hết tại đó. Tiến hành kiểm tra trong túi bên phải áo sơ mi đang mặc trên người của Đinh Văn P phát hiện số tiền 320.000 đồng, P thừa nhận đó là số tiền của T và P1 trả tiền mua 02 viên ma túy loại hồng phiến. Ngoài ra, còn phát hiện tại túi quần bỏ phía trước của Đinh Văn P có 01 (một) gói ni lông màu trắng bên trong có 07 (bảy) viên nén, hình trụ tròn, trên bề mặt các viên nén có chữ “WY”, trong đó có 06 (sáu) viên màu hồng và 01 (một) viên màu xanh, nghi là chất ma túy, Đinh Văn P thừa nhận các viên nén có trong gói ni lông nói trên là chất ma túy tổng hợp loại hồng phiến cất giấu trong người để sử dụng và bán cho người khác thì bị phát hiện, trước đó Đinh Văn P đã lấy 02 viên ma túy tổng hợp loại hồng phiến trong gói ma túy này để bán cho Nguyễn Văn P1 và Bùi Kim T. Công an thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng có liên quan, yêu cầu các đối tượng về trụ sở để làm rõ.

Ngày 10/6/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh có kết luận giám định số 69/GĐMT-PC54 kết luận: 07 (bảy) viên nén hình trụ tròn, trên bề mặt các viên nén có chữ “WY” trong đó có 06 viên nén màu hồng, 01 viên nén màu xanh gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,7010 gam, là Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II.C, STT 323, Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Cẩm T trình bày: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/6/2018, tôi đang ở Bệnh viện đa khoa thị xã L để rửa và băng bó vết thương do bị tai nạn giao thông trước đó thì Đinh Văn P gọi nhiều cuộc điện thoại cho tôi, nhưng do không tiện nghe máy nên tôi nói lại “gọi chỉ mà gọi nhiều rửa, đang ở trong bệnh viện ấy” Sau đó không thấy Đinh Văn P gọi thêm nữa. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày trong lúc tôi đang ở nhà tại tổ dân phố 10, phường B, thị xã L thì thấy Đinh Văn P tiếp tục gọi điện thoại hỏi “ Có hồng không” (Tôi hiểu là có ma túy tổng hợp loại hồng phiến để bán không?), nên trả lời là “có” và nói thêm “Một viên 120.000 đồng, có 8 viên ở đây”. Khoảng 19 giờ cùng ngày, thấy Đinh Văn P gọi nói đã đến trước cổng nhà nên tôi mở kết sắt lấy gói ni lông màu trắng bên trong chứa 8 viên ma túy là Hồng Phiến rồi một mình đi bộ ra cổng gặp Đinh Văn P. Ra đến nơi tôi thấy Đinh Văn P đang ngồi chờ trên xe mô tô kiểu Dream, không có biển kiểm soát, tôi đưa 8 viên ma túy cho P và P đưa lại cho tôi 960.000 đồng. Sau đó tôi đi vào nhà, còn P đi đâu thì tôi không rõ.

Tại phiên tòa Nguyễn Văn P1 trình bày: Khoảng 20 giờ ngày 09/6/2018 tôi về nhà thì gặp anh T đang ngồi ở sân nhà tôi. T nói với tôi “gọi điện cho

thằng nó coi có không? Tau có 3 trăm đây” (ý T nói tôi gọi điện cho anh P hỏi có ma túy không, T có 300.000 đồng để mua ma túy). Tôi gọi điện hỏi P có hồng phiến không thì P trả lời 3 viên giá 500.000 đồng. Tôi và T đến nhà P, trên đường đi T đưa cho tôi 300.000 đồng. Đến nhà P tôi đưa P 300.000 đồng đó thì P nói 300.000 đồng không đủ 2 cái, tôi lấy 20.000 đồng đưa thêm cho P, P đồng ý bán cho tôi và T 02 viên hồng phiến. Tôi và T nói muốn sử dụng số ma túy đó tại nhà P và xin vào nhà vệ sinh, P nói chúng tôi vào trước đi, một lúc sau P vào đưa cho chúng tôi bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 02 viên hồng phiến (do trước đó có uống rượu nên tôi không nhớ rõ P đưa ma túy cho tôi hay T), sau đó chúng tôi cùng P sử dụng số hồng phiến vừa mua. Cùng lúc đó, lực lượng Công an L phát hiện, thu giữ trên người P 01 gói ni lông màu trắng bên trong có 07 viên ma túy loại hồng phiến và số tiền 320.000 đồng mà tôi và T trả tiền mua ma túy trước đó cho P.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-TXHL ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Đinh Văn P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam ngày 09/6/2018.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản có giá trị nên không cần thiết áp dụng hình phạt tiền.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy 1 phong bì thư dán niêm phong bên trong có 0,3890 gam Methamphetamine, 01 (một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa màu trắng nhãn hiệu STING, 01 (một) ống tre dài 10,7 cm của Đinh Văn P, Nguyễn Văn P1 và Bùi Kim T dùng để sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 320.000 đồng, tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành của Đinh Văn P do bán trái phép chất ma túy mà có.

+ Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu vàng của Đinh Văn P; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS, vỏ màu đen của Nguyễn Văn P1 là phương tiện liên lạc để mua bán trái phép chất ma túy.

Còn 01 xe mô tô nhãn hiệu SUPER, loại Dream, sơn màu nâu, biển kiểm soát 38H7-0340 của ông Lê Hữu H cho Bùi Kim T mượn nhưng không biết T

sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi vi phạm nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật nên miễn xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Bị cáo có điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già yếu, có 3 con, trong đó có con dưới 10 tuổi, tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề xuất áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan điều tra Công an và Viện kiểm sát nhân dân thị xã L trong quá trình nhận xử lý tin báo tội phạm, quá trình điều tra, truy tố, thu thập chứng cứ, tài liệu đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các chứng cứ tài liệu Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đinh Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là do nghiện ma túy, bị cáo mua về để bán kiếm lời và phục vụ nhu cầu của bản thân nên vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 09/6/2018, tại thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Hà Tĩnh, Đinh Văn P đã bán cho Nguyễn Văn P1 và Bùi Kim T hai viên ma túy tổng hợp với giá 320.000 đồng. Sau đó, khi bị cáo cùng với P1 và T đang sử dụng số ma túy mà bị cáo đã bán cho P1 và T trước đó tại nhà mình thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L phát hiện, bắt quả tang và thu giữ trong người bị cáo 7 viên ma túy tổng hợp. Tại bản giám định số 69/GĐMT-PC54, ngày 10/6/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: 07 (bảy) viên nén hình trụ tròn, trên bề mặt các viên nén có chữ “WY” trong đó có 06 viên nén màu hồng, 01 viên nén màu xanh gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,7010 gam, là Methamphetamine.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản kết luận giám định

và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở khẳng định bị cáo Đinh Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có gì oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là tảo bạo, liều lĩnh, dùng chính nơi ở của mình để bán ma túy, gây nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về việc cất giữ, vận chuyển, trao đổi chất ma túy nên cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xét cho bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, tại phiên tòa khai báo thành khẩn, bố, mẹ là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Trên cơ sở phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quan điểm bào chữa người của người bào chữa nên cần xử bị cáo Đinh Văn P ở mức 7 năm tù như đại diện VKS đề nghị là có căn cứ.

[7] Trong vụ án này còn có Nguyễn Văn P1 và Bùi Kim T có hành vi mua ma túy để sử dụng nhưng chưa có tiền án, tiền sự và đã bị Công an thị xã L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là đúng quy định pháp luật nên miễn xét. Đối với Trần Thị Cẩm T là người thực hiện hành vi bán ma túy cho Đinh Văn P trong ngày 09/6/2018 tại nhà của T. Hành vi nêu trên của Trần Thị Cẩm T đã được Cơ quan CSĐT Công an thị xã L xử lý trong vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” khác. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L không xem xét xử lý đối với Trần Thị Cẩm T trong vụ án này. Đối với ông Lê Hữu H, anh Nguyễn Văn O là người cho Bùi Kim T, Đinh Văn P mượn xe mô tô nhưng không biết Bùi Kim T, Đinh Văn P mượn xe để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng pháp luật. Còn người đàn ông mà Đinh Văn P khai không biết tên tuổi, địa chỉ là người đã bán ma túy cho Đinh Văn P tại khu vực vòng xuyên đường quốc lộ 8A thuộc tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trong ngày 08/6/2018. Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã phối hợp với Công an thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng nào có đặc điểm nhận dạng như miêu tả. Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản có giá trị nên không cần thiết áp dụng hình phạt tiền.

[9] Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của Đinh Văn P; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS của Nguyễn Văn P1 là phương tiện dùng để liên lạc phạm tội, cần tịch thu hoá giá sung công quỹ nhà nước; số tiền 320.000đ thu giữ của Đinh Văn P là số tiền do bán ma túy mà có nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; 0,3890 gam Methamphetamine thuộc vật cấm lưu hành; một chai nhựa màu trắng nhãn hiệu STING; một ống tre dài 10,7 cm mà Đinh Văn P, Nguyễn Văn P1 và Bùi Kim T dùng để sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy. Các vật chứng nêu trên được xử lý theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Còn 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUPER, loại Dream, sơn màu nâu, biển kiểm soát 38H7-0340 của ông Lê Hữu H cho Bùi Kim T mượn nhưng không biết T sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi vi phạm nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật nên miễn xét.

[10] Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn toàn bộ tiền án phí nên cần thiết miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn P 7 (bảy) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam ngày 09 tháng 6 năm 2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy 1 phong bì thư dán niêm phong bên trong có 0,3890 gam Methamphetamine; 01 (một) chai nhựa màu trắng nhãn hiệu STING; 01 (một) ống tre dài 10,7 cm mà Đinh Văn P, Nguyễn Văn P1 và Bùi Kim T dùng để sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 320.000 đồng, tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành của Đinh Văn P do bán trái phép chất ma túy mà có.

+ Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu vàng của Đinh Văn P; 01 (một) điện thoại di

động nhãn hiệu PHILIPS, vỏ màu đen của Nguyễn Văn P1 là phương tiện liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm, tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan công an thị xã L và Chi cục thi hành án thị xã L ngày 14 tháng 8 năm 2018.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Văn P.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh;
- Công an;
- UBND xã T;
- Chi cục T.H.A;
- Bị cáo;
- Người có QL và NVLQ;
- Lưu HS,

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Đức Quang